

Số: 77-22/CV-CTTK

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ
 - Mã chứng khoán: STK
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM
 - Điện thoại: (+84.276) 388 7565
 - Fax: (+84.276) 388 7566
 - Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa
Chức vụ: Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- ✓ Biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- ✓ Quy chế quản trị nội bộ - Quy chế hoạt động HĐQT và BKS

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2022 tại đường dẫn : <https://theky.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐẶNG TRIỆU HÒA

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thέ Ký;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Ký ngày 31/03/2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Ký được tổ chức tại Khách sạn Windsor Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM ngày 31/03/2022 với tổng số 104 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 57.946.007 cổ phần bằng 84,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2021

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1925%**

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2021

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1407%**

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán (đính kèm trong Báo cáo thường niên).

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1925%**

Điều 4: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2021 như sau:

Cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 15%/mệnh giá)	Đồng	102.277.941.000
Lợi nhuận chưa phân phối	Đồng	176.201.710.838

Ghi chú: Việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt sẽ căn cứ vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, số tiền chi trả cổ tức tối đa không vượt quá 102.277.941.000



đồng, số lượng cổ phiếu quỹ (nếu có) sẽ không được hưởng cổ tức.

- Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng tiền theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **99,9959%**

Điều 5: Thông qua Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022.

Chỉ tiêu	Dự báo 2022	Thực hiện 2021	Dự báo 2022/Thực hiện 2021
Tổng doanh thu (đồng)	2.605.732.634.406	2.042.388.712.623	27,6%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	300.270.851.006	278.479.651.838	7,8%

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1407%**

Điều 6: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2022

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **99,8376%**

Điều 7: Thông qua thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

- Tổng thù lao cho HĐQT năm 2022 là: 1 tỷ và 275 triệu đồng;
- Tổng thù lao cho BKS năm 2022 là: 180 triệu đồng;

HĐQT và BKS đề nghị giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT và Trưởng BKS quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên BKS nằm trong tổng mức thù lao nêu trên.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **99,9432%**



10188
NG T
PHÁ
SỢI
Ế
TP



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 31/03/2022. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SỢI
THẾ KỶ
ĐẶNG MỸ LINH





NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỶ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ ngày 31/03/2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ được tổ chức tại Khách sạn Windsor Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM ngày 31/03/2022 với tổng số **104** cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho **57.946.007** cổ phần bằng **84,98%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1916%**

Điều 2: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **99,9950%**

Điều 3: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **99,9950%**





CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 31/03/2022. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐANG MỸ LINH





NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ
V/v Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỳ;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỳ ngày 31/03/2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỳ được tổ chức tại Khách sạn Windsor Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM ngày 31/03/2022 với tổng số 104 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 57.946.007 cổ phần bằng 84,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ 2022 như sau:

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỳ
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán	13.500.000 cổ phiếu , tương đương 19,08 % số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm 31/12/2021.
Phương thức chào bán	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	135.000.000.000 đồng
Giá chào bán dự kiến	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán cụ thể tại thời điểm chào bán.
Nguyên tắc xác định giá	Không thấp hơn giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của công ty ghi trong báo cáo tài chính ở thời điểm cuối quý gần nhất với thời điểm phát hành.
Đối tượng phát hành	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài





	nước. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư và nguyên tắc phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư sao cho đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông Công ty.
Hạn chế chuyển nhượng	01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Mục đích chào bán	Góp vốn vào công ty con và/hoặc bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty.
Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công ty cam kết thực hiện việc chào bán và lựa chọn Nhà đầu tư đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty.
Phương thức xử lý số cổ phiếu chào bán không hết	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm và phân phối số lượng cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư khác với tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư và mức giá phát hành không thuận lợi hơn so với những Nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phiếu trong thời gian chào bán mà Công ty đã thông báo.
Chào mua công khai	Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp số lượng cổ phiếu mà Nhà đầu tư mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán.
Thời gian thực hiện	Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm cụ thể.

B. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư vào công ty con và/hoặc bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty.
- Tùy vào số tiền thu được thực tế, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể.
- Hội đồng quản trị được ủy quyền xem xét thay đổi, điều chỉnh, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn cho phù hợp tình hình thực tế nếu thấy cần thiết vì lợi ích Công ty

C. ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, bao gồm nhưng không giới hạn:





- Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích cổ đông và Công ty;
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan để hoàn thành việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ và tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp, chủ động đàm phán, lựa chọn Nhà đầu tư, quyết định khối lượng phát hành cho từng Nhà đầu tư, giá/khoảng giá chào bán trên cơ sở phương án phát hành được ĐHĐCĐ phê duyệt và kết quả đàm phán với từng Nhà đầu tư;
- Xem xét thay đổi, điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp tình hình thực tế nếu thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán và phù hợp với kết quả chào bán;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông và Công ty.

D. THÔNG QUA VIỆC LƯU KÝ, NIÊM YẾT BỔ SUNG

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)/ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký thay đổi niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE).

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1355%**



192
CÔNG TY
HẠN
ĐI
K
PHỐ C



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 31/03/2022. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SỢI
THÉ KỶ
ĐANG MỸ LINH





NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ
V/v Phương án bán cổ phiếu quỹ năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỹ;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỹ ngày 31/03/2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thέ Kỹ được tổ chức tại Khách sạn Windsor Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM ngày 31/03/2022 với tổng số 104 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 57.946.007 cổ phần bằng 84,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ 2022 như sau:

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Thέ Kỹ
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chào bán/	1.500.000 cổ phiếu, tương đương 2,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm 31/12/2021
Phương thức chào bán	Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	15.000.000.000 đồng
Giá chào bán dự kiến	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán cụ thể tại thời điểm chào bán tuân thủ quy định pháp luật hiện hành
Mục đích chào bán	Góp vốn vào công ty con và/hoặc bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty
Thời gian thực hiện	Trong năm 2022 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc bán cổ phiếu quỹ. Đại hội đồng cổ





đồng ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm cụ thể.

B. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư vào công ty con và/hoặc bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty.
- Tùy vào số tiền thu được thực tế, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể.
- Hội đồng quản trị được ủy quyền xem xét thay đổi, điều chỉnh, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn cho phù hợp tình hình thực tế nếu thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

C. ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt bán cổ phiếu quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty;
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan để hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ theo phương án nêu trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Xem xét điều chỉnh phương thức bán cổ phiếu quỹ phù hợp với quy định pháp luật nếu thấy cần thiết vì lợi ích Công ty và điều chỉnh các nội dung của phương án bán cổ phiếu quỹ phù hợp với phương thức chào bán;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn và đơn vị làm đại lý bán cổ phiếu quỹ và tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp;
- Xem xét thay đổi, điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp tình hình thực tế nếu thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện việc bán cổ phiếu quỹ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông và Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua **98,1873%**



(89)
GT
PH
301
IE
-TR



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỲ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 31/03/2022. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỘNG TY
CỔ PHẦN
SỢI
THÉ KỲ
ĐẶNG MỸ LINH



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

CS 000 80

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 3. Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	4
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn.....	5
Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.....	5
CHƯƠNG III: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HĐQT, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT	15
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT	15
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	15
Điều 9. Tư cách thành viên HĐQT.....	16
Điều 10. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT.....	16
Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	17
Điều 12. Các tiểu ban của HĐQT	17
Điều 13. Người phụ trách quản trị Công ty	17
Điều 14. Thủ lao của HĐQT.....	17
CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS.....	17
Điều 15. Vai trò và nhiệm vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS	17
Điều 16. Tư cách thành viên BKS	18
Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần BKS	18
Điều 18. Ứng cử, đề cử thành viên BKS	18
Điều 19. Các thức bầu thành viên BKS	19
Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	19
Điều 21. Thủ lao của BKS.....	19
CHƯƠNG V: TGD ĐIỀU HÀNH.....	19
Điều 22. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD Điều Hành	19
Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD Điều hành.....	19
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	20
Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....	20
Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD Điều Hành.....	20
Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD Điều Hành	20
Điều 27. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD Điều Hành.....	21
CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC THI HÀNH.....	21
Điều 28. Hiệu lực thi hành.....	21

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KÝ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 1552020NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 1162020TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 1552020NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sợi Thế Ký (“Điều Lệ Công ty”)...

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày. .. tháng.. . năm. ..

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sợi Thế Ký.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sợi Thế Ký bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát (“BKS”) và cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (dưới đây gọi là Công ty). Cụ thể, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), HDQT, Tổng Giám đốc Điều hành (“TGD Điều hành”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HDQT, BKS, TGD Điều hành và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Công ty.

Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ của Công ty và/hoặc Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán thì những quy định tại Điều lệ của Công ty và/hoặc Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HDQT, BKS, TGD Điều hành và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “Quy chế quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các quy tắc quản trị công ty bao gồm

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- HDQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

1.2. “Công ty” được hiểu là Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ “Cổ đông lớn” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 18 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

1.3. “Cổ đông lớn” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 18 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

1.4. “Người nội bộ” là cá nhân được quy định trong Khoản 45 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

- 1.5. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;
- 1.6. “Người quản lý” là cá nhân được qui định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán
- 1.7. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT không phải là TGD Điều hành, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm hoặc người đại diện của Cổ đông lớn của Công ty hoặc Người có liên quan của Cổ đông lớn.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tại thời điểm ban hành Quy chế .

Điều 3. Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Công ty xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định.
2. Công ty có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - 2.1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ
 - 2.2. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT ;
 - 2.3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT;
 - 2.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - 2.5. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD Điều hành ;
 - 2.6. Quy định về đánh giá đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD Điều hành và các cán bộ quản lý khác .

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là :
 - 1.1. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - 1.2. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;

- 1.3. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty ;
- 1.4. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- 1.5. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty ;
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, quyết định của TGD Điều hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, HĐQT, BKS, TGD Điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
3. Cổ đông có trách nhiệm thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua, tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác .
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

- 1.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 1.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 15 Điều lệ Công ty .
2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ :
 - 2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ
 - 2.1.1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên
 - 2.1.2. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - 2.1.2.1. HĐQT xét thấy vì lợi ích của Công ty ;
 - 2.1.2.2. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo qui định của pháp luật ;
 - 2.1.2.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo qui định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể

hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

2.1.2.4. Theo yêu cầu của BKS;

2.1.2.5. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty .

2.1.3. Việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo qui định tại Khoản 4 Điều 14 Điều Lệ Công Ty.

2.2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại một cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. .

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2.4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)

2.5. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

2.5.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

2.5.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS ;

2.5.3. Phiếu biểu quyết;

2.5.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp .

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ :

2.6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp

hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp .

- 2.6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2.6.1 của Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 - 2.6.3. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) .
 - 2.6.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây :
 - 2.6.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự ;
 - 2.6.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền ;
 - 2.6.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền .
 - 2.6.4.4. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại .
- 2.7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ :
- 2.7.1. Cổ đông xác nhận việc đăng ký tham dự theo cách thức được nêu tại thông báo mời họp .
 - 2.7.2. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền tham dự
 - 2.7.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 2.8. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ
- 2.8.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết .

2.8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2.8.1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, thì người triệu tập họp sẽ hủy cuộc họp và thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. .

2.8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội theo quy định tại khoản 2.8.2 Điều này thì người triệu tập họp sẽ hủy cuộc họp và thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ,

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp.

ĐHĐCĐ thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10. Cách thức biểu quyết:

2.10.1. Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu được thực hiện như sau:

2.10.1.1. các nội dung biểu quyết được ghi trong phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án "tán thành" hoặc "không tán thành" hoặc "không có ý kiến" vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

2.10.1.2. các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau :

2.10.1.2.1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;

2.10.1.2.2. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong ;

2.10.1.3. Phiếu biểu quyết họp lệ phải đáp ứng những yêu cầu sau :

2.10.1.3.1. Theo mẫu và có số hiệu kiểm soát của Ban Tổ chức

2.10.1.3.2. Phiếu không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không

viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức

2.10.1.3.3. Đối với mỗi nội dung biểu quyết, Thẻ có chọn một trong ba ô lựa chọn biểu quyết của nội dung đó .

2.10.1.3.4. Đối với các Phiếu biểu quyết được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu từ xa thì phải đáp ứng thêm các điều kiện sau :

2.10.1.3.4.1. Phiếu biểu quyết phải có đầy đủ thông tin về tên, số Chứng minh nhân dân Hộ chiếu và chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân ;

2.10.1.3.4.2. Phiếu biểu quyết phải có tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Người đại diện theo ủy quyền và con dấu đối với cổ đông là tổ chức ;

2.10.1.3.5. Các thẻ biểu quyết không hợp lệ là các thẻ không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ và sẽ không được tính vào kết quả kiểm phiếu .

2.10.1.3.6. việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của nội dung biểu quyết khác;

2.10.1.3.7. Trong trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ .

2.10.2. Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) được thực hiện như sau: cổ đông đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

2.11. Việc bầu thành viên HĐQTBKS được thực hiện theo Quy chế bầu thành viên HĐQTBKS thông qua tại Đại hội hoặc Quy chế được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu ;

- 2.11.1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp
- 2.11.2. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo qui định như sau :
 - 2.11.2.1. Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòngkhu vực riêng ;
 - 2.11.2.2. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu ;
 - 2.11.2.3. Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu Biểu quyết ;
 - 2.11.2.4. Kiểm tra lần lượt từng Phiếu Biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu ;
 - 2.11.2.5. Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của cổ đông có liên quan (nếu có ở từng phần nội dung cần biểu quyết)
 - 2.11.2.6. Niêm phong toàn bộ Phiếu Biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng ban Kiểm phiếu .
- 2.11.3. Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu
 - 2.11.3.1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu .
 - 2.11.3.2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau
 - 2.11.3.2.1. Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu ;
 - 2.11.3.2.2. Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - 2.11.3.2.3. Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia dự họp
 - 2.11.3.2.4. Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu
 - 2.11.3.2.5. Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ ;
 - 2.11.3.2.6. Số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng vấn đề ;
 - 2.11.3.2.7. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu .
- 2.12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua :
- 2.13. Nghị quyết về các vấn đề sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành :
 - 2.13.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại ;
 - 2.13.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh Changing industries, ;
 - 2.13.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty ;
 - 2.13.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty ;
 - 2.13.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty .
 - 2.13.6. Việc sửa đổi và bổ sung điều lệ

- 2.14. Trừ các vấn đề nêu tại khoản 2.13 Điều này, các nghị quyết về các vấn đề khác được thông qua khi số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành E.
- 2.15. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 2.16. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc Đại hội .
- 2.17. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ :
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- 2.17.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty;
- 2.17.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty .
- 2.18. Lập biên bản ĐHĐCĐ;
- 2.18.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 2.18.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty ;
- 2.18.1.2. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ; Chương trình họp và nội dung họp;
- 2.18.1.3. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp ;
- 2.18.1.4. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- 2.18.1.5. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng ;

- 2.18.1.6. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 2.18.2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 2.18.3. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
- 2.19. Công bố biên bản họp và quyết định của ĐHĐCĐ ra công chúng: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Các tài liệu nói trên và phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản :
- 3.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ vấn đề gì và bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- 3.2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau
- 3.2.1. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
- 3.2.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 3.2.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty ;
- 3.2.2.2. Mục đích lấy ý kiến ;

- 3.2.2.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 3.2.2.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 3.2.2.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến ;
- 3.2.2.6. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời ;
- 3.2.2.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty ;
- 3.2.3. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau :
- 3.2.3.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 3.2.3.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu .
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 3.2.4. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
- 3.2.4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số kinh doanh ;
- 3.2.4.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;
- 3.2.4.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 3.2.4.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề ;
- 3.2.4.5. Các vấn đề đã được thông qua;

- 3.2.4.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu .
- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 3.2.5. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 3.2.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 3.2.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến :
- 4.1. Công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quyết định hạn chế cấm từ cơ quan Nhà nước... làm ảnh hưởng tới việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp
- 4.2. Trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức qui định ở mục 4.1 nói trên, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG III. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HĐQT, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ .
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo qui định tại khoản 4, Điều 27 Điều lệ Công ty .

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau :

- 3.1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính
- 3.2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT ;
- 3.3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT ;
- 3.4. Kết quả giám sát đối với TGD Điều hành ;
- 3.5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác ;
- 3.6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm :

- Họ tên, ngày tháng năm sinh ;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có)
- Các thông tin khác (nếu có)

2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

Điều 9. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 10. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT từ năm (05) thành viên đến bảy (07) thành viên, trong đó một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT cụ thể tại từng thời điểm.
2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Các tiểu ban của HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của HĐQT.
2. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 13. Người phụ trách quản trị Công ty

Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty theo qui định tại Điều 30 Điều lệ Công ty

Điều 14. Thù lao của HĐQT

1. Thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm và được công bố rõ ràng cho cổ đông.
2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty 3.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BKS VÀ BKS

Điều 15. Vai trò và nhiệm vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

1. BKS có các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều Điều lệ Công ty
2. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau :

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng thành viên BKS ;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS ;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, TGD Điều hành và các cán bộ quản lý khác ;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD Điều hành và cổ đông

Điều 16. Tư cách thành viên BKS

1. Thành viên BKS là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần BKS

1. Nhiệm kỳ của BKS là năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế .
2. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ Công ty .
3. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 18. Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60 % được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Điều Lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của BKS.

Việc BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 19. Các thức bầu thành viên BKS

Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên BKS theo phương thức dồn phiếu.

Điều 20 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau :

1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS ;
2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi ;
4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
5. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ

Điều 21. Thù lao của BKS

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Thù lao cho các thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên BKS được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông

CHƯƠNG V. TGD ĐIỀU HÀNH

Điều 22. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD Điều Hành

1. TGD Điều Hành là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của TGD Điều Hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD Điều Hành không phải là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. TGD Điều Hành có các quyền và nghĩa vụ như được qui định tại Khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty .

Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD Điều hành

1. HĐQT có thể bãi nhiệm TGD Điều Hành điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một TGD Điều Hành điều hành mới thay thế .

2. Tiền lương và lợi ích khác của TGD Điều Hành: TGD Điều Hành được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGD Điều Hành do HĐQT quyết định. Tiền lương của TGD Điều Hành được tính vào kinh phí kinh doanh của Công ty theo quyết định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
2. HĐQT có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho BKS thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT theo qui định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS. BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT đảm bảo tất cả các Nghị quyết HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên BKS, đồng thời cung cấp cho các thành viên HĐQT.

Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD Điều Hành

1. HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để TGD Điều hành thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. TGD Điều hành có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ĐHCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Công ty, các cổ đông, TGD Điều hành có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.
3. TGD Điều hành có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ĐHCĐ.
4. TGD Điều hành và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD Điều Hành

1. TGD Điều hành có thể mời BKS tham dự cuộc họp của Ban Giám Đốc (nếu xét thấy cần thiết). BKS có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho TGD Điều hành.
2. TGD Điều hành thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của BKS theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

3. TGD Điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BKS được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất
4. Các báo cáo của TGD Điều hành trình HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT .

Điều 27. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD Điều Hành

Căn cứ vào nội quy, qui định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và các nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD Điều hành và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý .

Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy Công ty, tùy từng mức độ vi phạm của từng cá nhân Hội đồng khen thưởng và kỷ luật của Công ty xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và TGD Điều hành.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Qui chế này gồm 28 Điều, do HĐQT soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. HĐQT, BKS và TGD Điều hành chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Qui chế này
3. Những nội dung chưa được quy định trong Qui chế này sẽ được áp dụng theo các qui định của Điều lệ Công ty và các qui định của pháp luật hiện hành

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG MỸ LINH



C Lĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông tư 116**”);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-HĐCĐ/TC ngày 31 tháng 03 năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ (“**Hội đồng quản trị**”) theo đây ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác của Công ty;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - e) Thực hiện trách nhiệm tránh xung đột lợi ích với Công ty như được quy định tại Điều 38 của Điều lệ.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Giám đốc điều hành, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 07 thành viên. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm, trong đó nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị phải tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm/miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên mới này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị..

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Ngoài ra, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục trong (02) nhiệm kỳ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công Ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên. Khi đó, tùy theo quyết định của Hội đồng quản trị, thành viên đó sẽ không tham gia các hoạt động của Công Ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ

- trì và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f) Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
 - g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế những tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch hoặc trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - c) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác với vai trò Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và quy định của Công Ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản này, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Nếu các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thì phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền ứng cử, đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông ứng cử, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử, đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử hoặc các cổ đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Hội đồng quản trị đề cử không đủ.
 - c) Số lượng ứng cử viên tối đa mà Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội đồng quản trị để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Khoản 2.7 Điều 4 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên với số phiếu cụ thể hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng cử viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.
 4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trong đó, các ứng cử viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng cử viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng cử viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại). Ứng cử viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
 5. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì:
 - + Nếu ứng cử viên là Cổ Đông thì ứng cử viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - + Nếu ứng cử viên không là Cổ đông thì ứng cử viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ, trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc; Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - d) Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên đó (nếu có);
2. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt hợp đồng giao dịch

Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ Công ty hoặc số thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban đặc biệt sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định nhưng tối thiểu là [03 thành viên], bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Mỗi Ủy Ban có thể có quy chế hoạt động riêng, tuy nhiên hoạt động của Ủy ban phải đảm bảo không trái với

các quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật. Nghị quyết của Ủy ban phải được đa số thành viên tham dự thông qua tại cuộc họp của Ủy ban và có hiệu lực để triển khai khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Giám Đốc Điều Hành;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty;
- Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số và người đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ có quyền tham gia cuộc họp.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị (tự mình hoặc thông qua Thư ký công ty) hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác tùy thuộc từng thời điểm và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp

này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - b) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng đường bưu điện, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và gửi đến cho Thư ký Công ty ít nhất 01 ngày trước ngày khai mạc. Người được ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến cuộc họp, trường hợp vi phạm thì phải bồi thường cho Công ty mọi thiệt hại xảy ra.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp bất nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc phải được ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không tính phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó kiêm Tổng Giám Đốc). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - e) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - g) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.Biên bản sẽ được Thư ký công ty gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều

này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo quy định tại các Khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với Luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Phạm vi bảo hiểm sẽ loại trừ việc bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty, trong trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị trước khi thực hiện và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội

đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và Ban điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ bao gồm [07 chương], [23 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2022 .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG MỸ LINH



Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông tư 116**”);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-2022/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 31 tháng 03 năm 2022

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
3. Thực hiện trách nhiệm tránh xung đột lợi ích với công ty như được qui định tại Điều 38 của Điều lệ.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp Hội đồng Quản trị phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên.
2. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169, Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - c) Người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.
 - d) Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- 1) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- 2) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- 3) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- 4) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 5) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
9. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty

theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
 - d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
2. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Ban kiểm soát, những người có liên

quan hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây:
 - a) Cổ đông, Đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên (10%) mười phần trăm tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; hoặc một hoặc nhiều thành viên Ban kiểm soát, hoặc những người liên quan đến họ; hoặc công ty mà thành viên Ban kiểm soát, hoặc những người liên quan đến họ có sở hữu góp vốn hoặc cổ phần trên (10%) mười phần trăm; hoặc
 - b) đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Ban kiểm soát, những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - c) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - d) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - e) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.
6. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

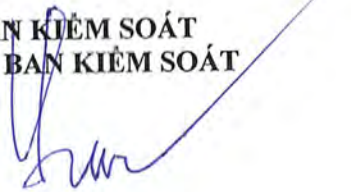
Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ bao gồm chương, điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202 .

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN TỰ LỰC





BIÊN BẢN

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ

Thông tin về công ty:

- Tên công ty: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ
- Địa chỉ trụ sở chính: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
- ĐT: (84.28) 3790 7565
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302018927 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2005; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 31/03/2022, tại Windsor Plaza Hotel, 18 An Dương Vương, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (sau đây được gọi tắt là "Cuộc họp ĐHĐCĐ") của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ (sau đây được gọi tắt là "Sợi Thể Kỹ/ Công ty").

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự:

1.1. Hội đồng quản trị:

- a. Bà Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
- b. Ông Đặng Triệu Hòa – Phó chủ tịch HĐQT
- c. Ông Võ Quang Long – Thành viên HĐQT
- d. Ông Nguyễn Quốc Hương – Thành viên HĐQT

1.2. Ban kiểm soát

- a. Ông Nguyễn Tự Lực – Trưởng Ban kiểm soát
- b. Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền – Thành viên BKS
- c. Bà Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS

1.3. Ban điều hành

- a. Ông Đặng Triệu Hòa – Tổng giám đốc
- b. Bà Nguyễn Phương Chi – Giám đốc chiến lược
- c. Ông Phan Như Bích – Giám đốc tài chính

1.4. Cổ đông

Theo danh sách cổ đông đăng ký tham dự tính đến thời điểm lúc 09 giờ 00 phút thì tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ có **67 đại biểu** là cổ đông hoặc các đại diện được ủy quyền, đại diện cho **57.586.980** cổ phần, chiếm tỷ lệ **84,46%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (**68.185.294** cổ phần).

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của đại hội:

Căn cứ khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty: với tỷ lệ **84,46%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã hợp pháp, hợp lệ và được phép tiến hành.

II. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC:

1. Báo cáo của Ban điều hành về tình hình hoạt động năm 2021 và dự báo kết quả kinh doanh 2022;
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2021,
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021;
4. Trình ĐHĐCĐ phê duyệt:





- i. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán;
- ii. Báo cáo của HĐQT năm 2021;
- iii. Báo cáo của BKS năm 2021;
- iv. Phân phối lợi nhuận năm 2021;
- v. Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022;
- vi. Ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2022;
- vii. Chế độ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;
- viii. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS
- ix. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- x. Phương án bán cổ phiếu quỹ

5. Đại hội thảo luận

6. Biểu quyết và bầu cử

7. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

8. Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

III. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Ông Phạm Đăng Khoa – thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự đại hội.

2. Ông Phạm Đăng Khoa giới thiệu Chủ tọa cuộc họp là Bà Đặng Mỹ Linh (“Chủ tọa”), và Ban chủ tọa gồm:

- Bà Đặng Mỹ Linh: Chủ tịch HĐQT
- Ông Đặng Triệu Hoà: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Phan Như Bích: Giám đốc Tài chính Công ty

- Bà Đặng Mỹ Linh – Chủ tọa đề cử Bà Lê Ngọc Phương Anh và Bà Lê Thị Kiều Tiên làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ; Đại hội bầu thống nhất với với ban thư ký đại hội được đề cử **tỷ lệ chấp thuận là 100%**.

- Chủ tọa đại hội đề cử các thành viên của Ban kiểm phiếu để phục vụ cho đại hội gồm:

- Bà Tô Thị Tuyết Nga - Trưởng ban
- Ông Phạm Ngọc Thái – Thành viên

Chủ tọa đại hội đề cử 2 TV ban kiểm phiếu và đề nghị cổ đông tham gia ban kiểm phiếu nhưng do không có ai đề nghị tham gia nên chủ tọa đề cử thêm ông Phạm Văn Long là thành viên thứ 3 của Ban kiểm phiếu.

- Ông Phạm Văn Long – Thành viên

Đại hội đã nhất trí bầu những người có tên như trên vào Ban kiểm phiếu của Đại hội với **tỷ lệ chấp thuận 100%**.

Ông Phạm Đăng Khoa giới thiệu chương trình ĐHĐCĐ. Đại hội thống nhất thông qua chương trình Đại hội với **tỷ lệ chấp thuận 100%**.

Đại hội thông qua thể lệ biểu quyết và kiểm phiếu tại đại hội với **tỷ lệ chấp thuận 100%**.

B. CÁC BÁO CÁO CỦA BAN TGD, BÁO CÁO CỦA HĐQT, BKS VÀ CÁC NỘI DUNG TRÌNH CUỘC HỌP ĐHĐCĐ.

1. Ông Đặng Triệu Hòa – TGD CTCP Sợi Thέ Kỹ Báo cáo của Ban điều hành về tình hình hoạt động của Công ty năm 2021 và dự báo kết quả kinh doanh năm 2022.

(Nội dung chi tiết vui lòng xem tài liệu họp và Báo cáo thường niên 2021)

2. Bà Đặng Mỹ Linh, Chủ tịch HĐQT, thay mặt HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2021:

(Vui lòng xem nội dung chi tiết trong Báo cáo thường niên 2021)

3. Bà Đinh Ngọc Hoa thay mặt BKS trình bày Báo cáo của BKS

Vui lòng xem nội dung chi tiết trong Báo cáo thường niên 2021



4. Ông Phan Như Bích, Giám đốc Tài chính Công ty trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán

Vui lòng xem nội dung chi tiết trong Báo cáo thường niên 2021

5. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt:

	Nội dung
1.	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán;
2.	Báo cáo của HĐQT năm 2021;
3.	Báo cáo của BKS năm 2021;
4.	Phân phối lợi nhuận năm 2021;
5.	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022;
6.	Ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2022;
7.	Chế độ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;
8.	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS
9.	Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
10.	Phương án bán cổ phiếu quỹ

C. THẢO LUẬN

Câu hỏi/Nhận xét	Trả lời
Xin vui lòng cho biết tình hình biến động giá nguyên vật liệu và giá đầu ra trong Q1 và dự báo trong thời gian tới.	Giá NVL chính đã tăng trong quý 1-2022. Tập quán kinh doanh của Công ty là giá bán sản phẩm sẽ điều tiết lên xuống theo giá NVL đầu vào và Công ty duy trì price gap. Khi giá lên thì công ty được hưởng lợi khi có nguyên liệu tồn kho. Nếu giá xuống thì Công ty cũng thiệt thòi chút ít nhưng bình quân thì cũng không ảnh hưởng. Trong các tháng 1, 2, 3 giá bán của công ty đều điều chỉnh theo giá nguyên liệu. Các chi phí phụ khác như chi phí vận chuyển nội địa, phụ liệu bao bì đóng gói cũng tăng do lạm phát, do ảnh hưởng của giá dầu. Do các chi phí này không lớn nên hiện công ty vẫn đang chịu chi phí đó. Nhưng nếu tăng hơn thì công ty sẽ phải điều chỉnh giá bán cho khách hàng.
Đối với dự án nhà máy Unitex, chi phí cho đầu tư nhà máy là bao nhiêu?	Tổng vốn đầu tư là 120 triệu USD, trong đó giai đoạn 2 là 75 triệu USD cho 36.000 tấn và giai đoạn 2 là 45 triệu cho 24.000 tấn. Công ty đã chốt mua máy móc thiết bị cho giai đoạn 1 nên giá mua MMTB không bị ảnh hưởng bởi lạm phát. Nếu mua MMTB hiện nay thì giá sẽ tăng khoảng 10-20%. Mặc dù giá vật liệu xây dựng đang tăng nhưng công ty sẽ kiểm soát để đảm bảo chi phí không vượt ngân sách.
Nhận định của công ty về xu hướng giá sợi năm 2022. Nếu giá tăng thì có ảnh hưởng tới lợi nhuận gộp?	Giá tăng là do giá đầu vào tăng, nên lợi nhuận gộp không tăng do giá tăng. Tuy nhiên, Công ty có thể tăng lợi nhuận gộp nhờ bán sản phẩm giá trị gia tăng cao như sợi tái chế + màu, sợi tái chế có tính năng đặc biệt (hút ẩm, chống UV – UV Cut). Các sản phẩm này đang bán ra thị trường đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường. STK có năng lực làm các sản phẩm đặc biệt. Chiến lược tăng trưởng của Công ty là việc tăng qui mô phải trên cơ sở có chiều sâu. Và đây là chiến lược mang tính bền vững.
Vui lòng cho biết kế hoạch đóng góp của các sản phẩm của Unitex.	Khoảng 60% công suất cho sợi recycled, 20% cho sợi đặc biệt (value added, functionality), 20% cho sợi phổ thông nhưng tập chung chất lượng cao.
Vui lòng cho biết kế hoạch tiếp cận thị trường để tối đa hóa lợi nhuận của Unitex.	Công ty hướng tới hợp tác với các thương hiệu lớn (họ đang quan tâm tới 2 sản phẩm chính: tái chế và tái chế có thêm tính năng đặc biệt như hút ẩm, co giãn, chống tia UV). Các thương hiệu lớn có thể hướng cho nhà cung ứng của họ mua sợi của công ty. STK đang là nhà cung ứng chính cho Nike đặc biệt cho mảng footwear. Vì sợi footwear phải là sợi thô trong khi nhà máy hiện hữu của STK đang không đủ công suất cho loại



	<p>sợi này nên Công ty cần phải đầu tư thêm máy làm sợi này tại nhà máy Unitex.</p>
<p>Công ty có đối thủ cạnh tranh mới trên thị trường không?</p>	<p>Far Eastern VIỆT NAM có dự án sản xuất sợi tại Việt nam. Họ đã nhập máy móc thiết bị và hiện đang lắp đặt. Dự kiến tháng 4/tháng 5 2022 sẽ sản xuất Sợi DTY, POY sẽ nhập khẩu từ Đài Loan. STK không lo ngại về cạnh tranh, trừ trường hợp họ bán phá giá không hợp lý. Đặc biệt nhà đầu tư nước ngoài vào VIỆT NAM không thể cạnh tranh với STK về chi phí, khả năng quản lý. Ngoài ra, do nhu cầu hiện đang lớn hơn khả năng cung ứng nên các công ty nên cạnh tranh lành mạnh để cùng lớn mạnh. Ví dụ điển hình là kể từ khi Formosa thành lập tại VIỆT NAM vào năm 2003, STK và Formosa đã cạnh tranh lành mạnh và cả 2 đều đang lớn mạnh hơn. STK cũng cạnh tranh với Far Eastern trên thị trường Thái Lan, Nhật Bản, Khôngrea và vẫn phát triển tốt ở các thị trường này.</p>
<p>Chiến sự ở Ukraine có ảnh hưởng tới tình hình xuất nhập khẩu của Công ty hay không?</p>	<p>Ban điều hành theo dõi sát sao diễn biến của cuộc chiến này và hiện cuộc chiến này không ảnh hưởng gì tới hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Tuy nhiên, chúng tôi không mong chiến sự kéo dài vì có thể làm suy thoái kinh tế do giá dầu tăng cao. Đường như diễn biến đang theo chiều hướng bớt xấu.</p>
<p>Đại diện quỹ Ward Haven hoan nghênh công ty đã chọn công ty kiểm toán chất lượng cao. Tuy nhiên, công ty cũng nên cân nhắc thay công ty kiểm toán khác để đáp ứng thông lệ quản trị tốt nhất là đòi công ty kiểm toán 5 năm/lần.</p>	<p>Ngoài tiêu chí công ty kiểm toán hàng đầu, Công ty còn lựa chọn trên cơ sở chi phí cạnh tranh. Mặc dù không thay đổi công ty kiểm toán nhưng bản thân Công ty kiểm toán thường xuyên thay cán bộ phụ trách. Công ty ghi nhận và sẽ xem xét góp ý này của quỹ cổ đông.</p>
<p>Tờ trình phát hành riêng lẻ: giá không thấp hơn giá trị sổ sách của công ty. Vui lòng cho biết mức giá mục tiêu?</p>	<p>Quy định về cơ chế xác định giá phát hành trong tờ trình là để đáp ứng yêu cầu để có phê chuẩn của UBCK. Công ty đang ủy thác cho 1 công ty chứng khoán lớn để phát hành. Yêu cầu phát hành giá phát hành theo giá thị trường với mức chiết khấu ít nhất (mục tiêu là 7-10%). Khi hồ sơ xin phát hành được UBCK chấp thuận, thì Công ty sẽ triển khai phát hành.</p>
<p>Lợi thế của STK với đối thủ trên thị trường recycled là gì?</p>	<p>Các công ty làm recycled phải có nguồn cung nguyên liệu đầu vào và đáp ứng các tiêu chuẩn về ESG vì đều phải có được chứng chỉ GRS. Do đó, các doanh nghiệp làm sợi tái chế hầu như là các công ty lớn (khoảng 5-6 công ty). Lợi thế cạnh tranh của STK so với các đối thủ này chủ yếu là nằm ở con người trong nghiên cứu phát triển, dịch vụ khách hàng và Chi phí quản lý.</p>
<p>Công ty có chiến lược về ESG hay không?</p>	<p>Trọng tâm trong chiến lược ESG của Công ty là danh mục sản phẩm thân thiện với môi trường, vừa đáp ứng nhu cầu của khách hàng, người tiêu dùng vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, trong hoạt động sản xuất, với mục tiêu cắt giảm tiêu hao NVL, năng lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, công ty đã đầu tư vào hệ thống máy móc thiết bị hiện đại có tính năng tiết kiệm năng lượng, áp dụng các biện pháp để tái sử dụng nguyên vật liệu (ví dụ như tái chế ống giấy POY bình quân khoảng 3.6-3.7 lần), tiết kiệm điện, nước sử dụng, đầu tư vào dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa để tái sử dụng cho sản xuất, triển khai dự án điện mặt trời với công suất 10MWp, cắt giảm 10% carbon footprint. Về mặt lao động, Công ty chủ động chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua chính sách lương thưởng hấp dẫn. Bên cạnh đó Công ty cũng có chính sách đào tạo để nâng cao năng lực cho người lao động. Các chiến lược ESG nói trên đã đem lại một số thành tựu nhất định cho Công ty. Báo cáo PTBV của STK được lọt vào danh sách đứng đầu trong 5 năm liên tục và Công ty ở trong danh sách CSI 100 trong 6 năm liên tục. Triết lý kinh doanh về ESG được xác định ngay từ ngày đầu thành lập. So với đối thủ cạnh tranh thì Công ty phải tiêu tốn nguồn lực (tài chính và công sức)</p>



	<p>nhiều hơn. Nhưng với xu hướng phát triển hiện nay khi ESG là phần không thể thiếu được khi các thương hiệu lớn lựa chọn nhà cung ứng (các thương hiệu tiến hành đánh giá ESG của một nhà cung ứng đạt thì mới cho vendor mua hàng) thì ESG trở thành điểm cộng của doanh nghiệp.</p>
<p>Đóng cửa của TRUNG QUỐC có tác động đến thị trường hay không?</p>	<p>Khi lockdown thì đủ thứ delay. Gần đây khách hàng mua thêm hàng từ STK. Khách hàng sợ nguy cơ tác động bị lan rộng, nên họ phải mua từ VIỆT NAM và Đông Nam Á.</p>
<p>Tác động của hiệp định EVFTA đối với thị trường sợi trong nước?</p>	<p>Gần đây có một số khách hàng tiếp cận với STK để tìm hiểu mua sợi nhằm phục vụ hàng xuất khẩu sang EU. EVFTA có hiệu lực, 1 trong các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế khi xuất khẩu hàng may mặc là vải phải sx trong nước hoặc từ Khôngrea. Để đạt tiêu chí xuất xứ ở Việt nam thì vải phải đạt hàm lượng giá trị sx trong nước nên các nhà sản xuất vải phải mua sợi tại VIỆT NAM.</p>
<p>Vui lòng chia sẻ về các EKPIs của công ty</p>	<p>Trong quản trị công ty bất cứ công việc nào cũng có KPIs và các KPIs sẽ được đánh giá định kỳ. Ví dụ như bộ phận sản xuất sẽ có những KPIs như tỷ lệ sợi phế, tỷ lệ sợi đạt chất lượng cao, mức tiêu hao điện năng cho từng sản phẩm cụ thể, tỷ lệ tái sử dụng ống giấy, đối với kinh doanh thì tỷ lệ bán hàng sợi recycled, đối với nhân sự thì đó là tỷ lệ đáp ứng nhân sự, tỷ lệ nhân viên nghỉ việc, thực hiện ngân sách đào tạo, v.v. Công ty còn nhiều điểm phải cải thiện. Tuy nhiên, do công ty luôn đồng hành với các thương hiệu và họ cũng luôn đổi mới nên sẽ hoạt động ESG của công ty sẽ không đậm chân tại chỗ.</p>
<p>Với những rủi ro địa chính trị hiện nay, đầu ra của Công ty được hưởng lợi còn đâu vào có rủi ro gì không?</p>	<p>STK kiên trì không mua nguyên liệu của TRUNG QUỐC, mà chú trọng nguồn cung ứng bền vững và chất lượng. Nguồn cung chủ yếu từ Đài Loan, Hàn quốc và Indonesia nên không gặp vấn đề gì. Tàu bị kẹt cảng thì công ty cho tàu chạy sớm hơn. Đối với sợi tái chế, nguồn cung từ Unifi bao gồm TRUNG QUỐC, Đài Loan, Thailand, Malaysia nên không bị ảnh hưởng vì còn có nguồn cung từ các nước khác.</p>
<p>Mặc dù Công ty có lộ trình tăng tỷ lệ sợi recycled lên 100% và trong khi nhu cầu đang lớn, dường như kế hoạch nâng tỷ lệ đóng góp trong doanh thu của sợi tái chế trong năm 2022 ở mức 54% chưa ấn tượng lắm.</p>	<p>Tăng trưởng theo nhu cầu của người mua. Cũng không muốn mất khách hàng hiện hữu đang sử dụng sợi thường (ví dụ như khách hàng ở Mỹ với nhu cầu sợi thường chất lượng rất cao) và đó cũng là 1 trong những lý do công ty quyết định đầu tư Unitex.</p>
<p>Vui lòng cho biết vai trò của Cổ đông của công ty, Hướng Việt. Họ có đóng góp vai trò gì trong phát triển của công ty không?</p>	<p>Hướng Việt đơn thuần là nhà đầu tư tài chính và là cổ đông độc lập không có liên quan tới cổ đông sáng lập công ty. Đại diện của Hướng Việt có tham gia vào HĐQT của Công ty và chỉ tham gia vào việc hình thành chiến lược của công ty chứ không tham gia vào điều hành.</p>
<p>Trong đợt phát hành riêng lẻ với lượng phát hành gần 20%. Công ty có kế hoạch phát hành cho nhiều nhà đầu tư hay cho một nhóm nhỏ. Nếu phát hành cho 1 nhóm nhỏ nhà đầu tư mới thì công ty có kỳ vọng họ sẽ có đóng góp gì cho sự phát triển của Công ty không?</p>	<p>Công ty đã thuê một công ty chứng khoán để tư vấn và tìm kiếm nhà đầu tư cho đợt phát hành riêng lẻ. Công ty sẵn lòng với bất cứ nhà đầu tư nào quan tâm tới đợt phát hành bất kể là nhà đầu tư tài chính hay chiến lược. Nếu nhà đầu tư mới mong muốn nắm lượng cổ phần lớn thì Công ty có thể xem xét các điều kiện tham gia. Tuy nhiên, khả năng một nhóm nhỏ nhà đầu tư mua phần lớn đợt phát hành không cao.</p>
<p>Vui lòng chia sẻ về quan hệ hợp tác với Unifi.</p>	<p>Thỏa thuận hợp tác giữa STK và Unifi sẽ còn tiếp tục tới năm 2024. Công ty cho rằng mối quan hệ hợp tác này sẽ vẫn còn tiếp tục trong tương lai do đây là mối quan hệ cả 2 bên cùng có lợi. Khi doanh số bán sợi tái chế của STK tăng lên thì qui mô kinh doanh của Unifi cũng tăng. Khi mở rộng hoạt động trên thị trường quốc tế Unifi áp dụng mô hình hợp tác chứ không thực hiện đầu tư nhà máy và họ chọn STK vì 2 công ty có sự tương đồng về triết lý kinh doanh và chính sách quản lý chất</p>



	lượng. Hiện STK là công ty duy nhất trên thế giới mà Unifi hợp tác theo mô hình này.
Thuế chống bán phá giá có tác động như thế nào đối với tình hình nhập khẩu?	Công ty ít bị áp lực hơn khi bán hàng nội địa. Tuy nhiên để đo lường tác động tổng thể thì cần phải xem số liệu thống kê nhập khẩu của quý 1-2022 mà số liệu này hiện chưa có vì thường bị trễ khoảng vài tháng.
Trong Q4-2021, tỷ trọng đóng góp trong doanh thu của sợi tái chế bị giảm. Hiện tình hình đã phục hồi chưa?	Trong Q4 luôn là quý kết thúc các đơn hàng do kết thúc việc chuẩn bị cho mùa Spring Summer. Hiện nay đang lo cho mùa Fall-Winter. Dự báo của các thương hiệu recycled đang tăng. 1 số thương hiệu lớn dự kiến tăng 15%. Năm 2021 bị giảm sút do VIỆT NAM bị gãy chuỗi cung ứng nên đơn hàng chuyển đi và chưa về kịp. Khách hàng sợ nhất rủi ro thiếu hàng.
Far Eastern công suất tăng bao nhiêu? nguồn cung có thể ảnh hưởng tới thị trường không?	Sản lượng của họ khoảng 3000 tấn/tháng. Chủ yếu họ làm sợi thô cho giày. Trước đây Far East vẫn xuất bán sợi từ Đài Loan về VIỆT NAM. Nay lập họ lập nhà máy ở VIỆT NAM để đáp ứng các yêu cầu về xuất xứ. Đây chỉ là sự chuyển dịch xuất xứ từ Đài Loan sang Việt Nam.

D. BIỂU QUYẾT

Sau phần thảo luận, Ông Phạm Đăng Khoa hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề đã trình bày ở trên.

Tính đến 11 giờ 15 phút, Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên có: **104 đại biểu**, đại diện cho **57.946.007 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **84,98%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đây là thông tin cập nhật tại đại hội trước khi đại hội bỏ phiếu biểu quyết.

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung như đã được trình bày ở phần trên.

Đại hội nghỉ giải lao và Ban kiểm phiếu tiếp nhận thùng phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu.

E. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VÀ XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

Sau khi Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm phiếu, Bà Tô Thị Tuyết Nga công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

Số đại biểu tham gia biểu quyết: **64 đại biểu**, đại diện cho **57.943.727 cổ phần**, chiếm tỷ lệ **84,98%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán:

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.898.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1925% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2021

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.898.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1925% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.913.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9441% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 30.116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0520% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.868.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1407% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



Nội dung 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	57.943.611 cổ phần	chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 5: Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.913.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9441% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 30.116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0520% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.868.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1407% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 6: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập năm 2022

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	57.851.911 cổ phần	chiếm tỷ lệ 99,8376% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	30.000 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0518% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	61.700 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,1065% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 7. Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	57.913.111 cổ phần	chiếm tỷ lệ 99,9432% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	30.500 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0526% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 8. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.898.104 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1916% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	500 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0009% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	57.943.111 cổ phần	chiếm tỷ lệ 99,9950% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	500 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0009% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



Nội dung 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.943.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9959% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	57.943.111 cổ phần	chiếm tỷ lệ 99,9950% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	500 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0009% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 11. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.940.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9907% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 3.116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0054% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.865.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1355% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	30.000 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0,0518% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 12. Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phần hợp lệ: 57.940.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9907% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- Số lượng cổ phần không hợp lệ: 3.116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0054% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Tán thành	56.895.604 cổ phần	chiếm tỷ lệ 98,1873% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không tán thành	1.045.007 cổ phần	chiếm tỷ lệ 1,8034% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
Không có ý kiến	0 cổ phần	chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

F. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1.	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán;	98,1925%
2.	Báo cáo của HĐQT năm 2021;	98,1925%
3.	Báo cáo của BKS năm 2021;	98,1407%
4.	Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2021;	99,9959%
5.	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2022;	98,1407%
6.	Ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2022;	99,8376%
7.	Chế độ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;	99,9432%
8.	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ	98,1916%
9.	Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT	99,9950%
10.	Thông qua Quy chế hoạt động của BKS	99,9950%
11.	Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;	98,1355%
12.	Phương án bán cổ phiếu quỹ	98,1873%

G. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐHĐCĐ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh, thư ký Đại hội, trình bày Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đại hội và được đại hội nhất trí 100% thông qua.

Bà Lê Ngọc Phương Anh, Trưởng ban thư ký Đại hội, trình bày biên bản họp ĐHĐCĐ trước đại hội và được đại hội nhất trí 100% thông qua.

Bà Đặng Mỹ Linh thay mặt Ban Chủ tọa tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên kết thúc lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày.



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA



ĐẶNG MỸ LINH

